

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ~~7145~~ /UBND-KT
V/v triển khai thực hiện
Nghị quyết của HĐND tỉnh
khóa XVIII, Kỳ họp thứ 31

Nghệ An, ngày 22 tháng 7 năm 2025

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường.

Tại Kỳ họp thứ 31, HĐND tỉnh Nghệ An khóa XVIII đã thông qua và ban hành các Nghị quyết sau:

- Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 10/7/2025 của HĐND tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 10/7/2025 của HĐND tỉnh ban hành quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2025.

- Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 10/7/2025 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của HĐND tỉnh quy định một số mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 10/7/2025 của HĐND tỉnh bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2024 và phê chuẩn quyết toán thu ngân sách trên địa bàn, quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2024 của tỉnh Nghệ An.

- Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 10/7/2025 của HĐND tỉnh điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

(Bản sao các Nghị quyết kèm theo)

UBND tỉnh giao:

1. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND các xã, phường căn cứ nội dung các Nghị quyết nêu trên để triển khai thực hiện, chỉ đạo các cơ quan trực thuộc và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

82

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, KT (TP, Hoà).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thanh An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09 /2025/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 10 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 5722/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến (nộp hồ sơ trên môi trường điện tử) trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu phí, lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

b) Cơ quan, tổ chức giải quyết các thủ tục hành chính qua hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến phải thu phí, lệ phí.

c) Tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức thu phí, lệ phí

1. Mức thu phí, lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh bằng 0% mức thu phí, lệ phí theo quy định tại các Nghị quyết sau đây của Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 quy định về phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

b) Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2017 quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí bình tuyến, công nhận cây mẹ, vườn cây đầu dòng, rừng giống trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

c) Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 quy định về lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

d) Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

e) Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 quy định về lệ phí cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Nghệ An;

g) Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2017 quy định về mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Mức thu phí, lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh bằng 60% mức thu phí, lệ phí theo quy định tại các Nghị quyết sau đây của Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 quy định về phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

b) Nghị quyết số 44/2016/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2016 quy định phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; phí đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

c) Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2016 quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 về sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND;

3. Trường hợp mức thu phí, lệ phí tại các Nghị quyết nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì mức thu phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến bằng 0% hoặc 60% mức thu phí, lệ phí theo quy định tại các Nghị quyết mới tương ứng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.
2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 31 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2025./. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KT VBQPPL);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Cơ quan UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Công báo tỉnh, <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT. 



Hoàng Nghĩa Hiếu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10 /2025/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 10 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2025

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện Nghị quyết số 1678/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Nghệ An năm 2025;

Xét Tờ trình số 6259/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Ban hành quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2025.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022 - 2025; Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022 - 2025.
3. Nghị quyết này bãi bỏ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ huyện Nam Đàn phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2021 quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù về tài chính - ngân sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội thành phố Vinh giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2021 quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ thị xã Cửa Lò phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2021 quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển thị xã Thái Hòa trở thành đô thị trung tâm vùng Tây Bắc Nghệ An giai đoạn 2022 - 2025; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 3 năm 2022 quy định cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ thực hiện Đề án "Xây dựng đô thị trung tâm huyện Đô Lương đạt tiêu chí đô thị loại IV, làm tiền đề cho huyện Đô Lương thành thị xã trước năm 2030"; Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội thị xã Hoàng Mai giai đoạn 2022 - 2025; Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 quy định một số cơ chế, chính sách thực hiện các đề án trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội huyện Yên Thành.

3

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 31 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận: 22

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (đề b/c);
- Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
Cơ quan UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh,
Thị hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT 2



Hoàng Nghĩa Hiếu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *11* /2025/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 10 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Xét Tờ trình số 5721/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Nghệ An như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“Điều 2. Mức chi công tác phí

1. Thanh toán tiền chi phí đi lại

a) Thanh toán theo hoá đơn thực tế:

Đối với quy định về tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác trong nước, trường hợp do yêu cầu công tác đột xuất nhưng không mua được các hạng vé phổ

thông, thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao tổ chức đoàn công tác quyết định và chịu trách nhiệm về việc các cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 0,8 đến 1,25 được mua vé máy bay hạng thương gia (Business class hoặc C class) bảo đảm phù hợp với đặc thù và khả năng cân đối của cơ quan, đơn vị mình.

b) Thanh toán khoản kinh phí sử dụng ô tô khi đi công tác, khoản tiền tự túc phương tiện đi công tác:

- Đối với các đối tượng được sử dụng xe ô tô để đi công tác: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động còn lại không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác mà tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán khoản tiền tự túc phương tiện bảo đảm không vượt chế độ đối với các đối tượng quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất (-) điểm b, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Phụ cấp lưu trú

a) Mức phụ cấp lưu trú để chi trả cho người đi công tác 300.000 đồng/ngày.

Trường hợp đi công tác trong ngày (đi và về trong ngày), thủ trưởng cơ quan, đơn vị, quyết định mức phụ cấp lưu trú theo các tiêu chí: Số giờ thực tế đi công tác trong ngày (bao gồm cả thời gian đi trên đường), quãng đường đi công tác và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.

b) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ở đất liền được cử đi công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo thì được hưởng mức phụ cấp lưu trú: 400.000 đồng/người/ngày thực tế đi biển, đảo (áp dụng cho cả những ngày làm việc trên biển, đảo, những ngày đi, về trên biển, đảo). Trường hợp một số ngành đặc thù đã được cấp có thẩm quyền quy định về chế độ khi đi công tác trên biển, đảo thì được chọn chế độ quy định cao nhất (phụ cấp lưu trú hoặc chi bồi dưỡng) để chi trả cho người đi công tác.

3. Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác

a) Thanh toán theo hình thức khoán:

- Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 1,25 đến 1,30: 1.600.000 đồng/ngày/người, không phân biệt nơi đến công tác;

- Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 0,8 đến 1,20:

+ Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 800.000 đồng/ngày/người;

+ Đi công tác tại các tỉnh: 600.000 đồng/ngày/người.

- Các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại:

+ Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 600.000 đồng/ngày/người;

+ Đi công tác tại các tỉnh: 500.000 đồng/ngày/người.

b) Thanh toán theo hóa đơn thực tế:

Trong trường hợp người đi công tác không nhận thanh toán theo hình thức khoán tại điểm a khoản này thì được thanh toán theo giá thuê phòng thực tế (có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật) do thủ trưởng cơ quan, đơn vị duyệt theo tiêu chuẩn thuê phòng như sau:

- Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 1,25 đến 1,30:

+ Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 2.000.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng;

+ Đi công tác tại các tỉnh: 1.800.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng.

- Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 0,8 đến 1,20:

+ Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 1.200.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng;

+ Đi công tác tại các tỉnh: 800.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng.

- Các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại:

+ Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 1.400.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn hai người/một phòng;

+ Đi công tác tại các tỉnh: 1.100.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn hai người/một phòng.

- Trường hợp người đi công tác thuộc đối tượng thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng đi công tác một mình hoặc đoàn công tác có lẻ người hoặc lẻ người khác giới, thì được thuê phòng riêng theo mức giá thuê phòng thực tế nhưng tối đa không được vượt mức tiền thuê phòng của những người đi cùng đoàn (theo tiêu chuẩn 2 người/phòng);

- Trường hợp người đi công tác thuộc đối tượng thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng đi công tác cùng đoàn với các chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn thuê phòng khách sạn 1 người/phòng, thì người đi công tác được thanh toán theo mức giá thuê phòng thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (phòng Standard) tại khách sạn nơi các chức danh lãnh đạo nghỉ và theo tiêu chuẩn 2 người/phòng;

- Các mức chi thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại khoản này là mức chi đã bao gồm các khoản thuế, phí (nếu có) theo quy định của pháp luật;

- Trường hợp người đi công tác do phải hoàn thành công việc đến cuối ngày, hoặc do chỉ đăng ký được phương tiện đi lại (vé máy bay, tàu hỏa, ô tô) từ 18h đến 24h cùng ngày, thì được thanh toán tiền nghỉ của nửa ngày nghỉ thêm (bao gồm cả hình thức thanh toán khoán và thanh toán theo hóa đơn thực tế) tối đa bằng 50% mức thanh toán khoán tiền thuê phòng nghỉ tương ứng của từng đối tượng; không thanh toán khoản tiền khoán thuê phòng nghỉ trong thời gian đi qua đêm trên tàu hỏa, thuyền, tàu thủy, máy bay, ô tô và các phương tiện đi lại khác.

4. Khoán công tác phí theo tháng

Đối với cán bộ cấp xã thường xuyên phải đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị còn lại phải thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng thì được thanh toán khoán tiền hỗ trợ tiền gửi xe, xăng xe theo mức tối đa 700.000 đồng/người/tháng và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 3 như sau:

“2. Chi giải khát giữa giờ: 50.000 đồng/một buổi (nửa ngày)/đại biểu.

3. Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức khoán như sau:

a) Cuộc họp tổ chức tại các thành phố trực thuộc trung ương: 300.000 đồng/ngày/người;

b) Cuộc họp tổ chức tại các tỉnh: 200.000 đồng/ngày/người;

c) Riêng cuộc họp do xã, phường tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức): 150.000 đồng/ngày/người”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 31 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Cơ quan UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Toà án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Hoàng Nghĩa Hiếu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 33 /NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 10 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2024
và phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2024 của tỉnh Nghệ An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 31

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2024; Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và phân bổ dự toán ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách địa phương; Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2024 điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và phân bổ dự toán ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách địa phương (đợt 2);

Xét Tờ trình số 6259/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2024:

Bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2024 số tăng thu ngân sách địa phương năm 2024 là 9.492.388 triệu đồng (trong đó: Ngân sách tỉnh: 3.476.605 triệu đồng; Ngân sách huyện: 4.927.142 triệu đồng; Ngân sách xã: 1.088.641 triệu đồng).

Điều 2. Phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2024 của tỉnh Nghệ An như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước: 97.358.147 triệu đồng

Bao gồm:

a) Thu ngân sách Trung ương: 3.182.517 triệu đồng

b) Tổng thu ngân sách địa phương: 94.175.630 triệu đồng

Bao gồm:

- Ngân sách tỉnh: 48.958.593 triệu đồng

Trong đó: Thu bổ sung từ ngân sách trung ương: 21.938.018 triệu đồng

Vay ngân sách cấp tỉnh: 35.638 triệu đồng

- Ngân sách huyện: 36.695.288 triệu đồng

Trong đó: Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 23.533.346 triệu đồng

- Ngân sách xã: 8.521.749 triệu đồng

Trong đó: Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 5.649.529 triệu đồng

Nếu loại trừ khoản thu chuyển giao cấp trùng giữa ngân sách cấp tỉnh, huyện, xã và vay ngân sách cấp tỉnh, thu ngân sách địa phương là 64.957.118 triệu đồng.

2. Tổng chi ngân sách địa phương: 93.713.899 triệu đồng

Bao gồm:

- Ngân sách tỉnh: 48.923.195 triệu đồng

Trong đó: Bổ sung cho ngân sách cấp dưới: 23.533.346 triệu đồng

Chi trả nợ gốc: 32.032 triệu đồng

- Ngân sách huyện: 36.445.450 triệu đồng

Trong đó: Bổ sung cho ngân sách cấp dưới: 5.649.529 triệu đồng

- Ngân sách xã: 8.345.255 triệu đồng

Nếu loại trừ khoản chi chuyển giao trùng giữa ngân sách cấp tỉnh, huyện, xã và chi trả nợ gốc, chi ngân sách địa phương là 64.498.993 triệu đồng.

3. Kết dư ngân sách địa phương: 461.731 triệu đồng

Bao gồm:

a) Kết dư ngân sách tỉnh: 35.398 triệu đồng

- Bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 17.699 triệu đồng

- Hạch toán thu ngân sách năm 2025: 17.699 triệu đồng

b) Kết dư ngân sách huyện: 249.838 triệu đồng

- Hạch toán thu ngân sách năm 2025: 249.838 triệu đồng

c) Kết dư ngân sách xã:

176.495 triệu đồng

- Hạch toán thu ngân sách năm 2025:

176.495 triệu đồng

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 31 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Cơ quan UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH



Hoàng Nghĩa Hiếu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34 /NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 10 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 31

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dữ trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1678/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Nghệ An năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2025;

Xét Tờ trình số 6260/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, như sau:

1. Điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn như sau:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 17.726.369 triệu đồng, trong đó: ngân sách cấp tỉnh: 10.075.462 triệu đồng, ngân sách cấp xã: 7.650.907 triệu đồng, cụ thể một số khoản thu như sau:

- Thu nội địa: 16.016.000 triệu đồng, trong đó: ngân sách cấp tỉnh: 8.365.093 triệu đồng, ngân sách cấp xã: 7.650.907 triệu đồng;
- Thu hoạt động xuất nhập khẩu: 1.630.000 triệu đồng;
- Thu viện trợ: 30.369 triệu đồng;
- Thu từ nguồn huy động, tài trợ quy hoạch: 50.000 triệu đồng.

2. Điều chỉnh phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương như sau:

Tổng chi ngân sách địa phương: 41.991.268 triệu đồng, trong đó: ngân sách cấp tỉnh: 26.096.016 triệu đồng, ngân sách cấp xã: 15.895.252 triệu đồng, cụ thể các nhiệm vụ chi như sau:

- Chi đầu tư phát triển: 9.770.917 triệu đồng, trong đó: ngân sách cấp tỉnh: 9.098.967 triệu đồng, ngân sách cấp xã: 671.950 triệu đồng;
- Chi thường xuyên: 31.408.900 triệu đồng, trong đó: ngân sách cấp tỉnh: 16.288.392 triệu đồng, ngân sách cấp xã: 15.120.508 triệu đồng (trong đó, chi thường xuyên các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non chuyển xuống xã là 10.083.737 triệu đồng);
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 2.890 triệu đồng;
- Dự phòng ngân sách: 728.192 triệu đồng, trong đó: dự phòng cấp tỉnh: 625.400 triệu đồng, dự phòng cấp xã: 102.792 triệu đồng;
- Chi viện trợ (ghi thu ghi chi): 30.369 triệu đồng;
- Chi nhiệm vụ quy hoạch và các dự án đầu tư từ nguồn thu huy động, đóng góp: 50.000 triệu đồng;
- Chi trả nợ vay: 49.700 triệu đồng.

3. Thay thế các phụ lục: số 1, 3, 16, 18, 19, 20 của Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2025. Các nội dung khác giữ nguyên và thực hiện theo Nghị quyết số 126/NQ-HĐND.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giải pháp thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2025 sau điều chỉnh

1. Căn cứ Nghị quyết này của Hội đồng nhân dân tỉnh, giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện. Giao chi tiết dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 đã điều chỉnh sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp cho các xã, phường và các đơn vị dự toán cấp tỉnh, các đơn vị, tổ chức có liên quan thực hiện (chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ); đồng thời giao các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân

dân các xã, phường và các đơn vị sử dụng ngân sách tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, quyết định phân bổ dự toán ngân sách cấp mình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài chính, ngân sách sau sắp xếp (bao gồm số kết dư, chuyển nguồn...) để thực hiện nhiệm vụ theo dự toán được giao đúng quy định; đảm bảo hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của bộ máy hành chính nhà nước, không làm gián đoạn công việc, không làm ảnh hưởng đến người dân, doanh nghiệp; không để xảy ra tình trạng nợ chế độ, chính sách, đặc biệt là đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng yếu thế và các đối tượng bị ảnh hưởng trong quá trình sắp xếp, tổ chức bộ máy; phân đầu hoàn thành mức cao nhất nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 31 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Cơ quan UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH



Hoàng Nghĩa Hiếu